TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 155/2020/HNGĐ-ST Ngày: 14 -10-2020 "V/v tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Viết Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Bạn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 523/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T – Sinh năm: 1978 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà M, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc N – Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số nhà M, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lê Quốc N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

vào ngày 16/10/1997. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thường xuyên ăn nhậu say xỉn, ghen tuông vô cớ, đánh đập tôi và chửi bới các con tôi, sống không có trách nhiệm với gia đình. Trong năm 2012, tôi có gửi đơn ly hôn tại Tòa án thành phố Buôn Ma Thuột, nhưng vì nghĩ thương các con còn nhỏ nên tôi đã rút đơn ly hôn. Từ đó đến nay, mặc dù tôi đã khuyên giải nhiều lần, cố gắng vun đắp nhưng anh N vẫn không thay đổi. Nay tôi xác định tình cảm với anh N không còn nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung là Lê Nguyễn Anh Q, sinh ngày 23/02/1998 và cháu Lê Nguyễn Anh T sinh ngày 07/6/2003. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Anh T sinh ngày 07/6/2003 và không yêu cầu anh Ngân cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu Lê Nguyễn Anh Q, sinh ngày 23/02/1998 đã đủ 18 tuổi việc cháu ở với ai là quyền của cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai và cũng không ai nợ chúng tôi.

* Bị đơn ông Lê Quốc N đã được Tòa án triều tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, do đó Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng : Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Quốc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Lê Quốc N và nguyện vọng chăm sóc nuôi con chung. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua bản tự khai, lời khai của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào

ngày 16/10/1997. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Quốc N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông N, bà T chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông N không lo xây dựng kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con ghen tuông vô cớ, đánh đập vợ, sống không có trách nhiệm với gia đình. Nay bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng. Cuộc sống chung giữa hai bên không còn tiếp diễn nữa nên không thể tiếp tục duy trì hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ T với ông Lê Quốc N. Xét cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T với ông Lê Quốc N có 02 con chung là Lê Nguyễn Anh Q, sinh ngày 23/02/1998 và cháu Lê Nguyễn Anh T sinh ngày 07/6/2003. Nguyện vọng của cháu Lê Nguyễn Anh T là được sống cùng với mẹ nên để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu nên cần giao cháu Lê Nguyễn Anh T sinh ngày 07/6/2003 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Lê Nguyễn Anh Q, sinh ngày 23/02/1998 đã đủ 18 tuổi bà T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu ông Lê Quốc N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T. Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Lê Quốc N.

Về con chung: Giao con chung cháu Lê Nguyễn Anh T sinh ngày 07/6/2003 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ông Lê Quốc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Quốc N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Bích H đã nộp thay cho bà Thu tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0008264 ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị My My